

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 14/02/2015 và Văn bản số 1899/UBND-KTN ngày 21/8/2015 của UBND tỉnh về đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá khởi điểm của các điểm mỏ để đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét Biên bản đấu giá của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tổ chức ngày 24/3/2016;

Theo đề nghị của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Tờ trình số 141/TTr-HĐĐGQKTKS ngày 30/3/2016 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đối với các mỏ đã thăm dò,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm số 1, lòng sông Đăk Bla thuộc xã Sa Bình, huyện Sa Thầy và xã Đăk Năng, thành phố Kon Tum (số hiệu quy hoạch 179), gồm các nội dung chính như sau:

1. Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá: Công ty TNHH Tài nguyên môi trường Hoàng Long.

2. Loại khoáng sản: Cát xây dựng.

3. Diện tích, vị trí, tọa độ, trữ lượng khu vực trúng đấu giá: (có phụ lục kèm theo)

4. Giá trúng đấu giá: 676.800.000 đồng (sáu trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng). Chưa bao gồm chi phí khảo sát, thăm dò, đánh giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

5. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá: Trước khi cấp phép khai thác khoáng sản.

6. Diện tích mỏ cát: Thuộc địa bàn thành phố Kon Tum và huyện Sa Thầy.

Điều 2: Công ty TNHH Tài nguyên môi trường Hoàng Long có trách nhiệm:

- Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quy định (nếu có).

- Nộp hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

Điều 3: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ theo quy định và trình UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum, Chủ tịch UBND huyện Sa Thầy; Giám đốc Công ty TNHH Tài nguyên môi trường Hoàng Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

Phụ lục:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ, TRỮ LƯỢNG
ĐIỂM MỎ CÁT XÂY DỰNG SỐ 1**

**Thuộc lòng sông Đăk Bla, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy
và xã Đăk Năng, thành phố Kon Tum (số hiệu quy hoạch 179)**
(Kèm theo Quyết định số 331 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2016 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1a	15 88.301	5 41.054
2a	15 88.301	5 41.120
3a	15 87.608	5 41.073
4a	15 87.608	5 40.992
1b	15 87.440	5 40.890
2b	15 87.440	5 40.940
3b	15 86.445	5 40.606
4b	15 86.453	5 40.555
Diện tích: 10 ha		
Trữ lượng: Cấp 122: 325.000m^3		